

Số: /KH-SGDĐT

Hà Nam, ngày tháng 10 năm 2022

KẾ HOẠCH
Thực hiện chuyển đổi số ngành Giáo dục tỉnh Hà Nam
giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025 định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi số tỉnh Hà Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi số ngành Giáo dục tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Đến năm 2025, thực hiện chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên phạm vi toàn ngành Giáo dục Hà Nam và nằm trong nhóm 10 Sở Giáo dục và Đào tạo có chỉ số cao về Chính phủ số của cả nước, đến năm 2030 nằm trong nhóm 05 Sở Giáo dục và Đào tạo có chỉ số cao về Chính phủ số của cả nước.

- Tạo môi trường làm việc điện tử (Quản lý điều hành, xử lý tác nghiệp, dạy học, tổ chức thi, kiểm tra, xét tuyển đầu cấp trực tuyến và hệ thống thông tin điều hành giáo dục thông minh...) trong phạm vi toàn ngành nhằm thúc đẩy cải cách bộ máy tổ chức, tiến tới hình thành nền hành chính, giáo dục điện tử, đảm bảo đúng tiến độ xây dựng, phát triển xã hội số của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 phổ biến được triển khai trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên tổng số hồ sơ đạt 100%.

- 100% hồ sơ công việc tại ngành; 100% hồ sơ công việc tại các đơn vị trực thuộc (đơn vị) được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê giáo dục được thực hiện qua hệ thống báo cáo của ngành; chia sẻ dữ liệu giữa hệ thống báo cáo của ngành với hệ thống báo cáo của tỉnh và Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 100% đơn vị sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành (VNPT-iOffice) để trao đổi, xử lý công việc trên môi trường mạng.

- 100% văn bản phát hành được ký số (trừ văn bản mật).

- 100% đơn vị triển khai học bạ điện tử và thanh toán học phí không dùng tiền mặt.

- 100% đơn vị triển khai các hệ thống thông tin điều hành trường học thông minh.

- 100% các dịch vụ công phục vụ phụ huynh, học sinh được triển khai như: xét tuyển học sinh đầu cấp, đối với MN, TH, THCS (cung cấp đầy đủ các loại mẫu đơn, nộp hồ sơ trực tuyến, công khai danh sách đăng ký, công khai kết quả xét tuyển và trả kết quả qua mạng).

- Tỷ lệ phụ huynh đăng ký xét tuyển qua mạng đạt 70%. (100% hồ sơ quản lý trên môi trường mạng).

- 100% các đơn vị thông báo điểm học tập và rèn luyện qua tin nhắn OTT, e-mail và Website trường học ở cấp học phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- 100% các đơn vị đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào các hoạt động quản lý, dạy và học nghề bằng các công nghệ phần mềm, tạo sự thay đổi căn bản, toàn diện về quản lý, dạy và học theo hướng hiện đại; tạo đột phá về chất lượng đào tạo, góp phần tăng năng lực cạnh tranh tỉnh Hà Nam và hội nhập với khu vực, quốc tế.

- 100% giáo viên được nâng cao và tích lũy kinh nghiệm xử lý trong công tác giảng dạy, thông qua việc tích lũy và chia sẻ thông tin trên một hệ thống quản lý vận hành tập trung thông minh.

- 100% đơn vị triển khai công tác dạy và học từ xa. Giúp người học học mọi lúc, mọi nơi qua Internet, trên các thiết bị cầm tay.

- 20% nội dung chương trình, ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học.

2.2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

- 100% thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; tích hợp 100% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; tối thiểu 95% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- Tỷ lệ 100% cơ sở giáo dục xét tuyển qua mạng.

- 100% đơn vị sử dụng học bạ điện tử.

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng tài khoản học trực tuyến.

- 100% đơn vị triển khai hệ thống thông tin điều hành Trường học thông minh.

- 90% phụ huynh và học sinh thường xuyên sử dụng các dịch vụ giáo dục trên các ứng dụng di động.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Phát triển nền tảng cho chuyển đổi số

1.1. Chuyển đổi nhận thức

- Chuyển đổi số phải bắt đầu từ nhận thức vai trò người đứng đầu các đơn vị. Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cơ quan quản lý, các cơ sở giáo dục, doanh nghiệp, cộng đồng về vai trò và lợi ích của chuyển đổi số ngành Giáo dục; tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về ý nghĩa, vai trò của CNTT về giáo dục.

- Tăng cường sự tham gia của phụ huynh, tổ chức, công dân và doanh nghiệp cùng góp ý, giám sát và sử dụng các dịch vụ, tiện ích do chuyển đổi số mang lại.

- Xây dựng quy định về đảm bảo an toàn thông tin, đảm bảo an ninh mạng trên phạm vi toàn ngành trên nền tảng chung chính sách của tỉnh.

- Thúc đẩy việc nghiên cứu, sáng tạo, và thử nghiệm các công nghệ số trong giáo dục, tổ chức kết nối, tập hợp, thúc đẩy các doanh nghiệp phát triển CNTT giáo dục tại tỉnh trong việc phát triển các sản phẩm ứng dụng, nền tảng giáo dục số “made in Việt Nam”.

- Triển khai các kênh hỗ trợ trực tiếp, trực tuyến (báo, tạp chí điện tử, phát thanh - truyền hình, mạng xã hội...) để hỗ trợ phụ huynh, học sinh, cộng đồng khi sử dụng các dịch vụ giáo dục trực tuyến.

- Biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong chuyển đổi số ngành Giáo dục.

1.2. Kiến tạo thể chế

Tham mưu, đề xuất để hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức chi trả cho lĩnh vực CNTT, chuyển đổi số trong giáo dục, cụ thể:

- Hướng dẫn thử nghiệm các sản phẩm giáo dục số mới; phát triển các nền tảng số trong giáo dục.
- Cơ chế tài chính, cơ chế thuê dịch vụ cho các sản phẩm dịch vụ giáo dục số. Định mức chi trả cho các dịch vụ CNTT trong các đơn vị trường học.
- Các quy định về quản lý, thu thập dữ liệu giáo dục.
- Các quy chuẩn, quy định về kết nối, liên thông dữ liệu giữa các phần mềm trong ngành Giáo dục.
- Hướng dẫn về ứng dụng CNTT trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.
- Hướng dẫn, quy định về xác thực điện tử trong ngành Giáo dục.

1.3. Phát triển dữ liệu giáo dục

- Phát triển, hoàn thiện cơ sở dữ liệu chuyên ngành trong các lĩnh vực giáo dục và đào tạo đối với học sinh, giáo viên, cơ sở trường, lớp, học sinh sau tốt nghiệp THPT (kể cả các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục).
- Phát triển nền tảng tích hợp cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo, kết nối giữa các Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và các hệ thống thông tin chuyên ngành khác.
- Xây dựng phát triển nền tảng dữ liệu mở về giáo dục, thu thập dữ liệu kết hợp với dữ liệu chia sẻ từ các cơ sở dữ liệu khác hướng tới hình thành hệ sinh thái dữ liệu mở trong ngành Giáo dục và mạng thông tin giáo dục quốc gia.

1.4. Xây dựng nền tảng số

- Bổ sung, hoàn thiện trang thiết bị CNTT, đường truyền Internet kết nối đến các cơ sở giáo dục.
- Triển khai hệ thống chữ ký số, chữ ký điện tử trong toàn ngành.
- Phát triển các nền tảng siêu ứng dụng di động trong việc cung cấp các dịch vụ giáo dục, hướng tới mạng xã hội dịch vụ giáo dục.

1.5. Đảm bảo an toàn, an ninh mạng

- Xây dựng, triển khai các hệ thống kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin phục vụ phát triển Chính phủ điện tử.
- Các đơn vị triển khai đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống thông tin của đơn vị theo đúng cấp độ an toàn thông tin của hệ thống thông tin.
- Phát triển, hoàn thiện hệ thống chữ ký số trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Sở Giáo dục và Đào tạo (bao gồm việc xác thực trên thiết bị di động).

- Phát triển, hoàn thiện hệ thống xác thực chữ ký số tại các đơn vị.

1.6. Phát triển nguồn nhân lực

- Triển khai hợp tác, đào tạo cán bộ chuyên đổi số về các công nghệ số áp dụng trong giáo dục và đào tạo gồm các tiêu chuẩn CNTT giáo dục, các công nghệ số về dữ liệu lớn, di động... làm nòng cốt trong chuyển đổi số giáo dục.

- Triển khai các chương trình đào tạo ngắn hạn, đào tạo lại về việc chỉ đạo triển khai chuyển đổi số trong giáo dục cho các đồng chí lãnh đạo các đơn vị thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Phát triển Chính quyền số trong ngành Giáo dục

Đẩy mạnh phát triển, nâng cấp các hệ thống thông tin giáo dục trên các nền tảng số mới nhất về truyền thông xã hội, cung cấp thông tin và dịch vụ hành chính công một cách đơn giản, thuận tiện trên di động để thực hiện chuyển đổi số toàn diện các mặt công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước và cung cấp trải nghiệm tốt nhất, thân thiện nhất cho người dùng. Các hệ thống triển khai bao gồm:

- Phát triển, hoàn thiện trung tâm điều hành giáo dục thông minh tại Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Triển khai, hoàn thiện các ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành điện tử, hạn chế việc sử dụng giấy, ứng dụng phát triển giao dịch điện tử, xác thực điện tử, văn phòng điện tử tại Sở Giáo dục và Đào tạo và trong toàn ngành.

- Tiếp tục hoàn thành triển khai các dịch vụ công mức độ 4.

- Kết nối các hệ thống thông tin của quốc gia về giáo dục bao gồm: hệ thống thông tin về trường, lớp, giáo viên, học sinh, hệ thống thông tin về cán bộ quản lý, cơ sở vật chất, trang thiết bị đồ dùng dạy học...

- Tiếp tục triển khai hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu ngành.

3. Phát triển kinh tế số trong ngành Giáo dục

- Thúc đẩy phát triển kinh tế số trong giáo dục nhằm tăng cường ứng dụng chuyển đổi số trong công tác quản lý cũng như cung cấp dịch vụ của đơn vị, tăng cường trải nghiệm tiện ích cho phụ huynh, học sinh và cán bộ quản lý, giáo viên, người lao động.

- Khuyến khích các công ty công nghệ trong lĩnh vực giáo dục tăng cường nghiên cứu, phát triển các nền tảng chuyển đổi số trong giáo dục; tạo ra các dịch vụ số hiệu quả trong ngành. Tăng cường nghiên cứu các công nghệ số phục vụ giáo dục như dữ liệu lớn, di động, điện toán đám mây.

4. Phát triển xã hội số trong ngành Giáo dục

- Xây dựng, phát triển trung tâm đánh giá tác động và hỗ trợ chuyển đổi số trong giáo dục nhằm hỗ trợ phụ huynh, học sinh, tổ chức, cá nhân và các đơn vị trong quá trình chuyển đổi số giáo dục.

- Xây dựng nền tảng chia sẻ thông tin học tập, thông tin giáo dục dựa trên nền tảng mạng xã hội.

- Phát triển các ứng dụng giáo dục trên các thiết bị cầm tay, thiết bị di động để người dân có thể dễ dàng tiếp cận các dịch vụ giáo dục ở mọi lúc, mọi nơi.

5. Chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục và đào tạo trong ngành Giáo dục

- Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triết để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập.

- Số hóa tài liệu, giáo trình.

- Xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa.

- Sử dụng các công nghệ và nền tảng số hóa nhằm nâng cao chất lượng việc dạy và học, thay đổi toàn diện công tác quản lý và điều hành ngành Giáo dục tỉnh Hà Nam.

- Hình thành hệ sinh thái giáo dục thông minh tỉnh Hà Nam với sự tham gia của giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, phụ huynh và học sinh, hướng đến tích hợp với hệ sinh thái công dân điện tử của tỉnh.

- 100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh, sinh viên học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình, ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học.

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ VÀ KHAI TOÁN KINH PHÍ

(Có phụ lục kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Sở

- Là đầu mối tổng hợp, xây dựng kế hoạch chuyển đổi số hằng năm của Sở Giáo dục và Đào tạo trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Tham mưu, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá thực hiện chuyển đổi số trong ngành Giáo dục. Làm đầu mối tổ chức việc đánh giá thực hiện chuyển đổi số hằng năm tại các đơn vị trong toàn ngành.

- Tham mưu, đề xuất với Giám đốc Sở về phân bổ nguồn vốn bảo đảm kinh phí để triển khai thực hiện các dự án, nhiệm vụ trong Kế hoạch.

- Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chuyển đổi số ở các đơn vị trực thuộc.

2. Các phòng thuộc Sở

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ Chuyển đổi số trong phạm vi quản lý phù hợp với điều kiện thực tế.

3. Các phòng Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị trực thuộc

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai các nhiệm vụ trong chương trình Chuyển đổi số của đơn vị.

- Ưu tiên bố trí kinh phí cho việc chuyển đổi số của đơn vị.

Trên đây là Kế hoạch triển khai “Chương trình chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” của ngành Giáo dục Hà Nam, các đơn vị căn cứ Kế hoạch này triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (qua Cục CNTT, để b/c);
 - UBND tỉnh (để báo cáo);
 - Sở Thông tin và Truyền thông (để p/h);
 - Lãnh đạo Sở;
 - Các phòng thuộc Sở
 - Các phòng GDĐT
 - Các đơn vị trực thuộc Sở
- } (để t/h);
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Phạm Anh Tuấn